

Bản án số: 44/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 05 - 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Danh;
- Ông Trần Văn Đoàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Hiện trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

- Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Nơi thường trú: Ấp 2/5, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Hiện trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Lê Trọng N tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 10/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N thường xuyên uống rượu, không chăm sóc gia đình. Bà có khuyên ông N nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Trọng N

Về con chung: Bà và ông N có 04 con chung, gồm: Lê Phạm Trọng H1, sinh ngày 22/4/2009; Lê Phạm Trọng Đ, sinh ngày 22/8/2011; Lê Phạm Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014; Lê Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2017. Hiện tại, các con sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 người con. Bà làm nghề tự do nhưng vẫn đảm bảo điều kiện sống đầy đủ cho 04 người con. Bà không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà và ông N không có nợ chung.

Bà Phạm Thị H xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Lê Trọng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Lê Trọng N có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Lê Trọng N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông N và bà H đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên bà H nộp đơn xin ly hôn với ông N. Quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông N cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Qua đó, xác định ông N không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa ông N và bà H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Trọng N.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông N có 04 người con chung, tên: Lê Phạm Trọng H1, sinh ngày 22/4/2009; Lê Phạm Trọng Đ, sinh ngày 22/8/2011; Lê Phạm Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014; Lê Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2017. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 người con chung. Xét thấy, hiện tại các con đều đang sống với bà H, có cuộc sống ổn định và đều có văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống với bà H. Bà H bảo đảm có đủ điều kiện để nuôi cả 04 người con. Hơn nữa, ông N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà H. Do đó, xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 người con chung của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận, giao 04 con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Bà H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H có ý kiến tự thỏa thuận với ông N, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; ông N vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông N không có nợ chung, ông N vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Trọng N.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Trọng N.

- Về con chung: Giao bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi 04 con chung tên Lê Phạm Trọng H1, sinh ngày 22/4/2009; Lê Phạm Trọng Đ, sinh ngày 22/8/2011; Lê Phạm Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014; Lê Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2017.

Sau khi ly hôn, ông N, bà H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà H.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật, thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Phạm Thị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010942 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H, ông Lê Trọng N vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương